

Bản án số: 67/2022/HS-PT

Ngày: 27/01/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Nam;

Ông T3 Duy Nhiệm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 883/2021/TLPT-HS ngày 11 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Văn B bị xét xử sơ thẩm về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2021/HS-ST ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Họ và tên: **Nguyễn Văn B**, tên gọi khác: Không, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1972 tại xã C1, huyện C, tỉnh H; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn 10, xã C1, huyện C, tỉnh H; Nghề nghiệp: Nguyên công chức địa chính - môi trường - xây dựng xã C2, huyện C, tỉnh H; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn H1; Con bà: Nguyễn Thị L; Anh, chị, em ruột: Có 12 người (bị can là con thứ bảy); Có vợ Chu Thị H2 sinh năm 1975 và 3 con (lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2015); Tiền án, tiền sự: Không; Đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (Ngày 02/01/2020, Huyện ủy C, tỉnh H đã ra Quyết định đình chỉ sinh hoạt Đảng).

Tạm giam từ ngày 27/12/2019 đến ngày 15/5/2020 đã thay thế bằng biện pháp Bảo lãnh, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Phan Minh T – Văn phòng luật sư B1 thuộc Đoàn luật sư thành phố H3; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ năm 2016 đến năm 2019, Ủy ban nhân dân xã C2, huyện C, tỉnh H đã tổ chức nhiều đợt đấu giá đất và cấp đất cho các hộ dân trên địa bàn. Sau khi trúng đấu giá đất hoặc được cấp đất theo quy định, do không nắm rõ về trình tự, thủ tục làm hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tin tưởng Nguyễn Văn B (là công chức địa chính - môi trường - xây dựng của Ủy ban nhân dân xã C2, huyện C, tỉnh H) nên nhiều hộ dân trên địa bàn xã đã đưa tiền để nhờ Nguyễn Văn B nộp tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ và lập hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo Quyết định số 117 ngày 01/8/2016 của Ủy ban nhân dân xã C2, huyện C thì Nguyễn Văn B thực hiện chức năng, nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên, môi trường như: thu thập thông tin, tổng hợp số liệu, lập sổ sách các tài liệu về đất đai, địa giới hành chính, tài nguyên, môi trường và đa dạng sinh học; chủ trì, phối hợp với công chức khác thực hiện các thủ tục hành chính trong việc tiếp nhận hồ sơ và thẩm tra để xác nhận nguồn gốc, hiện trạng đất đai trên địa bàn, xây dựng các hồ sơ, văn bản về đất đai.... Mặc dù không được giao nhiệm vụ thu tiền hoặc nhận tiền, lập hồ sơ chuyển lên UBND huyện C xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân nhưng Nguyễn Văn B đã lợi dụng sự tin tưởng của các hộ dân thông qua việc nhờ nộp tiền và lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhiều lần nhận tiền của ông Lê Xuân C3, anh Phạm Ngọc Q, bà Nguyễn Thị H4 và ông Hoàng Đình P với tổng số tiền 599.727.000đồng rồi sử dụng chi tiêu cá nhân hết, không nộp tiền vào Ngân sách nhà nước, sau đó Nguyễn Văn B đã sửa chữa và sử dụng giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước để lập hồ sơ rồi nộp đến Trung tâm hành chính công huyện C, tỉnh H để UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 04 hộ dân này. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Hành vi chiếm đoạt số tiền 123.535.000đồng của ông Lê Xuân C3, trú tại thôn P1, xã C2, huyện C, tỉnh H:

Vào tháng 5/2016, Ủy ban nhân dân xã C2, huyện C, tỉnh H phối hợp với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh H tổ chức đấu giá các lô đất ở tại vùng quy hoạch dân cư thôn P1, xã C2, huyện C theo Quyết định số 4541/QĐ-UBND ngày 14/8/2012 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc ban hành phương án đấu giá quyền sử dụng đất ở tại vùng quy hoạch khu dân cư thuộc địa bàn huyện. Ngày 18/5/2016, UBND huyện C ban hành Quyết định số 3245/QĐ-UBND về việc phê duyệt kết quả đấu giá, trong đó ông Lê Xuân C3 đã trúng đấu giá lô đất số 07, diện tích 200m² thuộc vùng quy hoạch đường D - thôn P1, xã C2, huyện C, tỉnh H với số tiền 143.000.000đồng. Sau khi trừ số tiền ký quỹ 20.180.000đồng mà ông Lê Xuân C3 đã nộp trong quá trình đấu giá thì theo quy

định trong vòng 30 ngày sau khi có quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá, ông Lê Xuân C3 phải đến Chi cục thuế huyện C kê khai nộp đủ số tiền còn lại là 123.535.000đồng (gồm 122.820.000đồng tiền sử dụng đất và 715.000đồng tiền lệ phí trước bạ) vào Kho bạc nhà nước và làm các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do không nắm rõ trình tự thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tin tưởng Nguyễn Văn B là cán bộ địa chính xã C2 nên ông Lê Xuân C3 đã đưa số tiền 123.535.000đồng cho B nhờ nộp tiền sử dụng đất, tiền lệ phí trước bạ và lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong thời gian này, theo lời khai của Nguyễn Văn B thì B đang nợ người đàn ông tên N số tiền khoảng 57.000.000đồng (quá trình điều tra không xác minh được người tên N) nhưng không có khả năng hoàn trả nên người này đã gợi ý cho B cách thức lập được hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Xuân C3 mà không cần nộp tiền sử dụng đất, tiền lệ phí trước bạ bằng thủ đoạn tẩy xóa, sửa chữa giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước của hộ dân khác rồi đưa vào hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Xuân C3 để nộp cho Trung tâm hành chính công Ủy ban nhân dân huyện C. Sau khi được người tên N gợi ý, Nguyễn Văn B đã sử dụng số tiền đã nhận của ông Lê Xuân C3 để trả cho người tên N 57.000.000đồng, số tiền còn lại B sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Do trước đó, chị Đậu Thị X, trú tại thôn T1, xã C2, huyện C, tỉnh H sau khi trúng đấu giá đất trên địa bàn xã cũng đã đưa tiền nhờ Nguyễn Văn B nộp tiền sử dụng đất và lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 14/4/2016, khi Nguyễn Văn B đi nộp tiền sử dụng đất giúp chị X, B xin cán bộ ngân hàng cấp cho 02 giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước. Nguyễn Văn B đã sử dụng 01 giấy nộp tiền để lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Đậu Thị X, 01 giấy nộp tiền còn lại đưa cho người tên N sửa chữa các thông tin (tên người nộp tiền, số tiền, ngày tháng) thành Giấy nộp tiền mang tên Lê Xuân C3. Đến ngày 03/8/2018, Nguyễn Văn B sử dụng giấy nộp tiền đã sửa chữa đưa vào hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Xuân C3 rồi nộp lên Trung tâm hành chính công huyện C, tỉnh H. Ngày 15/8/2018, Ủy ban nhân dân huyện C ra Quyết định giao đất ở số 3433/QĐ-UBND và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 537171 cho ông Lê Xuân C3.

Lần thứ hai: Hành vi chiếm đoạt số tiền 128.715.000đồng của anh Phạm Ngọc Q, trú tại thôn Q1, xã C2, huyện C, tỉnh H:

Tháng 6 năm 2016, anh Phạm Ngọc Q ủy quyền cho bố là ông Phạm Văn T2 tham gia và trúng đấu giá lô đất số 03, diện tích 260m², thuộc khu quy hoạch tại thôn Q1, xã C2, huyện C, tỉnh H với số tiền 153.000.000đồng. Sau khi trừ số tiền ký quỹ 25.050.000đồng mà ông Phạm Văn T2 đã nộp trong quá trình đấu giá thì theo quy định trong vòng 30 ngày sau khi có quyết định phê duyệt kết

quả trúng đấu giá, anh Phạm Ngọc Q phải đến Chi cục thuế huyện C kê khai nộp đủ số tiền còn lại là 128.715.000đồng (gồm 127.950.000đồng là tiền sử dụng đất và 765.000đồng tiền lệ phí trước bạ) vào Kho bạc nhà nước và làm các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do không nắm rõ trình tự thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tin tưởng Nguyễn Văn B là cán bộ địa chính xã C2 nên ông Phạm Văn T2 đã chủ động đưa số tiền 128.715.000đồng cho B nhờ nộp tiền sử dụng đất, tiền lệ phí trước bạ và lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Phạm Ngọc Q. Tuy nhiên, Nguyễn Văn B không nộp tiền vào Kho bạc nhà nước để thực hiện nghĩa vụ tài chính cho anh Phạm Ngọc Q mà sử dụng để chi tiêu cá nhân.

Trước đó, anh Đậu Văn Đ trú tại thôn 4, xã C2, huyện C, tỉnh H sau khi trúng đấu giá đất trên địa bàn xã đã tin tưởng và đưa tiền cho Nguyễn Văn B nhờ nộp tiền sử dụng đất và lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 09/6/2016, Nguyễn Văn B đi nộp tiền sử dụng đất giúp anh Đậu Văn Đ và xin cán bộ ngân hàng cấp cho 02 giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước. Nguyễn Văn B đã sử dụng 01 giấy nộp tiền để lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Đậu Văn Đ, 01 giấy nộp tiền còn lại đưa cho người tên N sửa chữa các thông tin (tên người nộp tiền, số tiền, ngày tháng) thành Giấy nộp tiền mang tên Phạm Ngọc Q. Đầu năm 2017, do ông Phạm Văn T2 nhiều lần gặp Nguyễn Văn B để hỏi lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ngày 27/4/2017, B sử dụng giấy nộp tiền đã sửa chữa đưa vào hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông anh Phạm Ngọc Q rồi nộp lên Trung tâm hành chính công huyện C. Ngày 30/5/2017, Ủy ban nhân dân huyện C ra Quyết định giao đất ở số 2087/QĐ-UBND và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 287026 ngày 24/5/2017 cho anh Phạm Ngọc Q.

Lần thứ ba: Hành vi chiếm đoạt số tiền 42.210.000đồng của bà Nguyễn Thị H4, trú tại thôn Q1, xã C2, huyện C, tỉnh H:

Ngày 31/01/2018, Ủy ban nhân dân huyện C ra Quyết định số 580/QĐ-UBND về việc giao đất ở lô số 03, diện tích 300m² cho hộ ông Nguyễn Văn X1 và bà Nguyễn Thị H4 tại khu quy hoạch ở thôn Q1, xã C2, huyện C, tỉnh H với số tiền 42.210.000đồng (gồm 42.000.000đồng là tiền sử dụng đất và 210.000đồng tiền lệ phí trước bạ). Do không nắm rõ trình tự, thủ tục làm hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tin tưởng Nguyễn Văn B là cán bộ địa chính xã C2 nên bà Nguyễn Thị H4 nhờ Nguyễn Văn B lập giúp hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, do cần tiền để chi tiêu cá nhân nên Nguyễn Văn B đã vay của bà Nguyễn Thị H4 số tiền 25.000.000đồng và thỏa thuận sau này B sẽ trả nợ bằng cách nộp tiền sử dụng đất, tiền lệ phí trước bạ cho bà Nguyễn Thị H4.

Cùng trong đợt xét cấp đất này, anh Võ Tá T3 trú tại thôn Q1, xã C2, huyện C, tỉnh H được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh H cấp 01 thửa đất (gần thửa đất bà Nguyễn Thị H4). Ngày 09/3/2018, anh Võ Tá T3 đi nộp tiền sử dụng

đất rồi đưa 01 giấy nộp tiền nhờ Nguyễn Văn B làm giúp hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi nhận giấy nộp tiền của anh Võ Tá T3, Nguyễn Văn B thấy số tiền phải nộp của anh Võ Tá T3 trùng khớp với số tiền của bà Nguyễn Thị H4 nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị H4. Sau đó, Nguyễn Văn B gọi điện thoại yêu cầu bà Nguyễn Thị H4 đưa số tiền còn phải nộp là 17.210.000đồng cho B để lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đang làm việc tại tỉnh Bình Dương nên bà Nguyễn Thị H4 đã nhờ anh trai là ông Nguyễn Phi H5 đưa 17.210.000đồng đến cho Nguyễn Văn B. Sau đó, Nguyễn Văn B thuê người tên N sửa chữa giấy nộp tiền của anh Võ Tá T3 thành tên của ông Nguyễn Văn X1 (là chồng bà Nguyễn Thị H4) và sử dụng giấy nộp tiền này đưa vào hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H4 rồi nộp lên Trung tâm hành chính công huyện C. Ngày 20/02/2019, Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 537991 cho ông Nguyễn Văn X1 và bà Nguyễn Thị H4. Đối với hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ Võ Tá T3, sau này B nói với anh T3 là B đã làm mất giấy nộp tiền và nói anh T3 đến Ngân hàng xin cấp lại giấy nộp tiền khác để B làm hồ sơ giúp anh T3.

Lần thứ tư: Hành vi chiếm đoạt số tiền 305.267.000đồng của ông Hoàng Đình P, trú tại thôn T4, xã C2, huyện C, tỉnh H:

Tháng 4/2019, Ủy ban nhân dân xã C2, huyện C phối hợp với Công ty đấu giá hợp danh T5 tổ chức đấu giá các lô đất ở tại vùng quy hoạch dân cư thôn T1, xã C2 theo Quyết định số 2717/QĐ-UBND ngày 03/7/2018 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết mặt bằng sử dụng đất phân lô dân cư thôn. Ngày 08/5/2019, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1489/QĐ-UBND về việc phê duyệt kết quả đấu giá, trong đó ông Hoàng Đình P trúng đấu giá lô đất số 13, diện tích 280m² với số tiền 365.000.000đồng. Sau khi trừ số tiền ký quỹ 61.558.000đồng mà ông Hoàng Đình P đã nộp trong quá trình đấu giá thì theo quy định trong vòng 30 ngày sau khi có quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá, ông Hoàng Đình P phải đến Chi cục thuế huyện C kê khai nộp đủ số tiền còn lại là 305.267.000đồng (gồm 303.442.000đồng là tiền sử dụng đất và 1.825.000đồng tiền lệ phí trước bạ) vào Kho bạc nhà nước và làm các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong đợt đấu giá đất này, ông Bùi Quang T3, trú tại thôn Q1, xã C2, huyện C cũng trúng đấu giá 01 lô đất. Do không nắm rõ thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tin tưởng Nguyễn Văn B là cán bộ địa chính xã C2 nên ông Hoàng Đình P và ông Bùi Quang T3 đều nhờ Nguyễn Văn B lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyễn Văn B phát hiện số tiền trúng đấu giá còn phải nộp của hộ Bùi Quang T3 giống với số tiền còn phải nộp của ông Hoàng Đình P nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền sử dụng đất của ông P. Nguyễn Văn B nói ông Bùi Quang T3 đến Ngân hàng nộp tiền sử dụng đất, tiền lệ phí trước bạ và đưa 02 giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước để B làm giúp hồ sơ, mục đích của B là sau này sẽ nhờ người tên N sửa chữa 01 giấy nộp tiền

của ông Bùi Quang T3 thành giấy nộp tiền mang tên Hoàng Đình P để đưa vào hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P.

Ngày 13/5/2019, Nguyễn Văn B đến nhà gặp ông Hoàng Đình P vay số tiền 300.000.000đồng, thỏa thuận sau này B sẽ trả nợ bằng cách nộp tiền sử dụng đất, tiền lệ phí trước bạ cho ông P và được ông P đồng ý. Sau khi nhận 300.000.000đồng từ ông Hoàng Đình P, Nguyễn Văn B đã sử dụng để chi tiêu cá nhân hết. Sau khi nhận được 02 giấy nộp tiền của ông Bùi Quang T3, Nguyễn Văn B đã thuê người tên N sửa chữa 01 giấy nộp tiền của ông Bùi Quang T3 thành tên của ông Hoàng Đình P. Ngày 04/6/2019, Nguyễn Văn B sử dụng giấy nộp tiền đã sửa chữa đưa vào hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Đình P rồi nộp lên Trung tâm hành chính công huyện C, tỉnh H. Ngày 14/6/2019, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định giao đất ở số 2064/QĐ-UBND và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR643780 cho ông Hoàng Đình P. Sau khi ông Hoàng Đình P nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Nguyễn Văn B đã yêu cầu ông P đưa số tiền 5.267.000đồng còn thiếu theo thông báo nộp thuế.

Kết luận giám định tư pháp số 01 ngày 02/10/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H, kết luận: 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho 04 hộ Hoàng Đình P, Lê Xuân C3, Nguyễn Văn X1 và Phạm Ngọc Q khi chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính là không phù hợp với các quy định tại: khoản 7 Điều 12 và khoản 3 Điều 170 Luật Đất đai năm 2013; khoản 2, Điều 63 và điểm b khoản 3, điểm d khoản 5 Điều 68 Nghị định số 43/2014 ngày 15/5/2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Kết luận giám định tư pháp số 1971 ngày 03/9/2020 của Cục Thuế tỉnh H, kết luận: Giá trị thiệt hại trong vụ án là 599.727.000đồng. Căn cứ khoản 3 Điều 3 Luật Quản lý thuế số 106/2016 ngày 06/4/2016 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế, ngoài giá trị thiệt hại 599.727.000đồng, còn phải nộp thêm tiền chậm nộp từ thời điểm hết hạn nộp theo thông báo của cơ quan thuế đến thời điểm khắc phục hậu quả là 116.152.657 đồng.

*** Trách nhiệm dân sự:**

Tổng số tiền Nguyễn Văn B đã lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt là 599.727.000đồng. Quá trình điều tra, bị can đã khắc phục toàn bộ số tiền trên (nộp tại Chi cục thuế huyện C số tiền 305.267.000đồng để khắc phục số tiền đã chiếm đoạt của ông Hoàng Đình P; nộp 294.460.000đồng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H để khắc phục số tiền đã chiếm đoạt của ông Lê Xuân C3, anh Phạm Ngọc Q và bà Nguyễn Thị H4).

Đối với số tiền 116.152.657 đồng phát sinh do chậm nộp tiền sử dụng đất và tiền đầu giá đất, các bị hại yêu cầu Nguyễn Văn B có trách nhiệm bồi thường,

khắc phục. Quá trình điều tra Nguyễn Văn B đã bồi thường cho ông Hoàng Đình P 6.884.933 đồng. Số tiền còn lại Nguyễn Văn B phải tiếp tục bồi thường là 109.267.724 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Văn B có hành vi sửa chữa và sử dụng 04 Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước (bản gốc) của 04 hộ dân khác để đưa vào hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Xuân C3, anh Phạm Ngọc Q, bà Nguyễn Thị H4 và ông Hoàng Đình P. Mục đích tấy xoá nhằm chiếm đoạt tiền nộp thuế của các hộ dân trúng đấu giá đất và mục đích che dấu hành vi chiếm đoạt tiền đã hoàn thành. Do đó không cấu thành tội theo quy định tại Điều 340 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2021/HS-ST ngày 06/8/2021, Tòa án nhân dân tỉnh H đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*”. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 355; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 10 (mười) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 27/12/2019 đến ngày 15/5/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường cho nguyên đơn dân sự UBND huyện C, tỉnh H số tiền 123.535.000đ và tiền chậm nộp 50.001.050đ, bị cáo đã bồi thường 123.535.000đ, bị cáo phải bồi thường tiếp cho UBND huyện C, tỉnh H số tiền **50.001.050đ** (Năm mươi triệu không trăm linh một nghìn không trăm năm mươi đồng); Bồi thường cho anh Phạm Ngọc Q số tiền 128.715.000đ và tiền nộp chậm 50.514.651đ. Bị cáo đã bồi thường 128.715.000đ, bị cáo phải bồi thường tiếp cho anh Q **50.514.651đ** (Năm mươi triệu năm trăm mười bốn nghìn sáu trăm năm mươi một đồng); Bồi thường cho bà Nguyễn Thị H4 số tiền 42.210.000đ và tiền lãi nộp chậm 8.752.023đ. Bị cáo đã bồi thường 42.210.000đ, bị cáo phải bồi thường tiếp cho bà H4 **8.752.023đ** (Tám triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn không trăm hai mươi ba đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/8/2021, bị cáo Nguyễn Văn B có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo giữ nguyên kháng cáo, thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của Nguyễn Văn B có quan điểm: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; đã khắc phục toàn bộ hậu quả gây ra. Tại cấp phúc thẩm bị cáo được hưởng thêm nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, mức án Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng với bị cáo có phần nghiêm khắc. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố

tụng hình sự năm 2015: chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm; giảm hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo, Luật sư Phan Minh Thanh đồng tình với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp tại Hà Nội. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo được hưởng thêm nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt đến mức thấp nhất cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận: Từ năm 2016 đến năm 2019, sau khi trúng đấu giá đất hoặc được cấp đất theo quy định thì các ông Lê Xuân C3, anh Phạm Ngọc Q, ông Hoàng Đình P và bà Nguyễn Thị H4 đã đưa tiền cho Nguyễn Văn B để nhờ nộp vào Ngân sách nhà nước và lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi nhận số tiền 599.727.000đồng của 4 hộ dân (Trong đó: ông Lê Xuân C3: 123.535.000đồng; ông Hoàng Đình P: 305.267.000đồng, anh Phạm Ngọc Q: 128.715.000đồng và bà Nguyễn Thị H4: 42.210.000đồng, Nguyễn Văn B đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên để sử dụng chi tiêu cá nhân, không nộp tiền vào Ngân sách nhà nước, sau đó Nguyễn Văn B đã sửa chữa và sử dụng giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước của các hộ dân khác để lập hồ sơ rồi nộp vào Trung tâm hành chính công huyện C, tỉnh H để Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 04 hộ dân này.

Nguyễn Văn B là công chức địa chính xã, theo Quyết định số 117 ngày 01/8/2016 của Ủy ban nhân dân xã C2, huyện C thì Nguyễn Văn B thực hiện chức năng, nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên, môi trường như: thu thập thông tin, tổng hợp số liệu, lập sổ sách các tài liệu về đất đai, địa giới hành chính, tài nguyên, môi trường và đa dạng sinh học; chủ trì, phối hợp với công chức khác thực hiện các thủ tục hành chính trong việc tiếp nhận hồ sơ và thẩm tra để xác nhận nguồn gốc, hiện trạng đất đai trên địa bàn, xây dựng các hồ sơ, văn bản về đất đai,... Bị cáo là người có quyền hạn nhất định trong việc lập, hoàn thiện hồ sơ để trình cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất cho những người đã trúng đấu giá đất. Bị cáo đã lợi dụng sự tín nhiệm của nhân dân, lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để làm việc vượt ngoài chức trách, nhiệm vụ được giao, làm trái công vụ. Bị cáo sử dụng chức vụ, quyền hạn của mình làm phương tiện để thực hiện hành vi lừa dối để những người trúng đấu giá đất đưa tiền cho bị cáo để nộp tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ và lập hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi chiếm đoạt. Bởi hành vi nêu trên Nguyễn Văn B đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 355 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm hoạt động đúng đắn và uy tín của cơ quan Nhà nước, tổ chức mà còn xâm phạm quyền sở hữu của công dân. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Nguyễn Văn B đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn, hối cải; bị cáo đã nộp tiền bồi thường khắc phục hậu quả của vụ án; Bị cáo được Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường H tặng Giấy khen năm 2015, bố đẻ bị cáo ông Nguyễn H1 được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng 3, ông nội là Nguyễn Điền được UBND tỉnh H tặng Bằng khen vì có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; được người bị hại, đại diện theo uỷ quyền của người bị hại, đại diện nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự và quyết định xử phạt bị cáo 10 năm tù là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xuất trình biên lai nộp toàn bộ số tiền bồi thường thiệt hại và án phí theo như quyết định của bản án sơ thẩm; Ủy ban nhân dân xã C1 tiếp tục có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Ngoài ra trong hồ sơ vụ án còn thể hiện bố đẻ bị cáo là ông Nguyễn H1 được Ủy ban nhân dân tỉnh H tặng Bằng Khen vì đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Pháp; Bản thân bị cáo quá trình sống tại địa phương thể hiện là người có trách nhiệm, luôn giúp đỡ người gặp khó khăn, hoạn nạn, được các công dân sống tại địa phương là bà Dương Thị H6, ông Bùi Văn T6, bà Nguyễn Thị T7, Nguyễn Thị H7, Lê Thị H8 có đơn xác nhận gương người tốt, việc tốt và xin giảm hình phạt cho bị cáo; Hội cựu chiến binh xã C1 cũng có văn bản đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét sẽ được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm ghi nhận để xem xét kháng cáo của bị cáo.

Xét bị cáo Nguyễn Văn B là người chưa có tiền án, tiền sự; Bị cáo bị xét xử theo Khoản 3 Điều 355 Bộ luật hình sự quy định giá trị chiếm đoạt từ 500

triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng, trong vụ án này bị cáo chiếm đoạt ở mức trên 500 triệu và dưới 600 triệu đồng; được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do đó có căn cứ chấp nhận kháng cáo, giảm một phần hình phạt tạo điều kiện cho bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí phúc thẩm: Bị cáo kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm hình sự.

Vì các lẽ trên.

Căn cứ Điều 355, 357 Bộ luật Tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn B. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2021/HS-ST ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 355; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn B 08 (Tám) năm tù về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 27/12/2019 đến ngày 15/5/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo Nguyễn Văn B đã nộp số tiền 109.267.724 đồng để thi hành tiền bồi thường theo quyết định của bản án sơ thẩm và 5.663.386 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu số 0000019 và 0000020 ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh H.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn B không phải chịu án phí phúc thẩm hình sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật ngay sau khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Công an tỉnh H;
- Cục THADS tỉnh H;
- Bị cáo (qua địa chỉ);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Thu Hà